**Đề 1**

**Bài 1**. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Số thập phân gồm ***3 chục, 6 đơn vị, 5 phần mười và 2 phần nghìn*** được viết là :

A. 36,52 B. 345,2 C. 3,452 D. 36,502

2. Số thập phân 512,49 được đọc là :

A. Năm một hai phẩy bốn chín. B. Năm trăm mười hai phẩy bốn chín.

C. Năm trăm mười hai phẩy bốn mươi chín. D. Năm mười hai phẩy bốn mươi chín.

**Bài 2**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Một hình tròn có đường kính là 7,2dm. Vậy :

a) Bán kính của hình tròn đó là …………………… dm.

b) Chu vi của hình tròn đó là …………………… dm.

c) Diện tích của hình tròn đó là …………………… dm2.

**Bài 3**. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) 7,28 × 10 = 72,8 b) 7,28 : 10 = 72,8

c) 0,9 × 100 = 0,900 d) 0,9 : 100 = 0,009

**Bài 4**. Tính giá trị của biểu thức :

a) 7,92 + 5,86 × 4,5 b) 62,5 : (13,8 + 6,2)

**Bài 5**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 10,5m = …………………… cm b) 10,5m2 = …………………… cm2

**Bài 6**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :

a) Hình bên có tất cả …………… hình vuông.

b) Hình bên có tất cả …………… hình chữ nhật.

**Bài 7**. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) 48,25 + 12,72 + 51,75 + 87,28 b) 0,087 + 1,123 + 0,913 + 0,877

**Bài 8**. Một hình thang có đáy lớn 6,5cm ; đáy bé 4,8cm và chiều cao 3,5cm. Tính diện tích của hình thang đó.

**Bài giải**

**Bài 9**. Bác Hai mua một con cá nặng 1,5kg hết 54000 đồng. Bác Ba cũng mua một con cá loại đó có cân nặng 1,2kg. Hỏi bác Ba phải trả bao nhiêu tiền ?

**Bài giải**

**Bài 10**. Lớp 5A quyên góp được 45 quyển sách. Lớp 5B quyên góp được số sách bằng $\frac{4}{5}$ số sách của lớp 5A. Số sách của lớp 5C nhiều hơn một nửa số sách của lớp 5B 8 quyển. Hỏi cả ba lớp quyên góp được bao nhiêu quyển sách ?

**Bài giải**

 ✍ Sửa bài :

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên HS : Lớp :  | **ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5****ĐỀ SỐ 2** |

**Bài 1**. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Phân số $\frac{345}{10}$ được viết thành số thập phân là :

A. 345,10 B. 34,5 C. 10,345 D. 3,45

2. Hỗn số 2 $\frac{9}{100}$ được viết thành số thập phân là :

A. 2,9100 B. 29,100 C. 2100,9 D. 2,09

**Bài 2**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Một hình tam giác có độ dài đáy là 5,6cm ; chiều cao 4,8cm. Diện tích của hình tam giác đó là …………………… cm2.

b) Một hình thang có tổng độ dài hai đáy là 10,8dm ; chiều cao là 75cm. Diện tích của hình thang đó là …………………… dm2.

**Bài 3**. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) 99 × 0,001 = 0,99 b) 99 × 0,001 = 0,099

c) 3,58 : 0,1 = 35,8 d) 3,58 : 0,1 = 0,358

**Bài 4**. Tìm x, biết :

a) x + 12,96 = 3,8 × 5,6 b) 312 : x = 100 – 99,2

**Bài 5**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 8500kg = …………………… tấn b) 72,5 dag = …………………… kg

**Bài 6**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :

Hình bên có tất cả …………… hình tam giác.

**Bài 7**. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) 0,92 × 324 + 0,92 × 678 b) 4,9 × 3,3 – 4,8 × 3,3

**Bài 8**. Một cái sàng gạo hình tròn có bán kính 7dm. Tính chu vi, diện tích của cái sàng gạo đó.

**Bài giải**

**Bài 9**. Một nền căn phòng hình chữ nhật được lát kín bằng 80 tấm gạch hình vuông có cạnh 5dm. Tính diện tích nền nhà đó theo đơn vị mét vuông.

**Bài giải**

**Bài 10**. Một cái thùng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 2,6m, chiều rộng kém chiều dài 0,5m, chiều cao 1,8m. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần cái hộp đó?

**Bài giải**

 ✍ Sửa bài :

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên HS : Lớp :  | **ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5****ĐỀ SỐ 3** |

**Bài 1**. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Chữ số 5 trong số 2,953 thuộc hàng nào ?

A. Hàng chục B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

2. Chữ số 8 trong số thập phân 32,879 có giá trị là :

A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. 800

**Bài 2**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) Tỉ số phần trăm của hai số 7,5 và 25 là …………………….

b) 40,5% của 200 là …………………….

c) Biết 8% của số x là 2,4. Vậy số x là …………………….

**Bài 3**. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) 12,89 > 12,9 b) 34,725 < 34,73

c) 3,9 = 3,09 d) 27,99 > 28,11

**Bài 4**. Tính giá trị của biểu thức :

a) 43,2 : 12 × 0,5 + 4,789 b) 50 – 3,4 × (87 : 25)

**Bài 5**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4km 360m = …………………… km b) 3ha 400m2 = …………………… ha

**Bài 6**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :

Hình bên có tất cả …………… hình thang.

**Bài 7**. Tìm các số tự nhiên x, biết :

a) x < 3,001 b) 10,99 < x < 14,99

Các số tự nhiên x cần tìm là …………………… Các số tự nhiên x cần tìm là …………………………

**Bài 8**. Lan mua 3 bịch bánh hết số tiền là 19500 đồng. Hỏi Bình mua 12 bịch bánh loại đó hết bao nhiêu tiền ?

**Bài giải**

**Bài 9**. Một cái hộp dạng hình lập phương bằng giấy bìa có chiều dài 1,9 dm. Hỏi cần tờ giấy bìa có diện tích bao nhiêu để làm cái hộp đó?

**Bài giải**

**Bài 10**. Tìm x, biết :

a/ 460 : x : 0,4 = 92 b/ X – 12,65 :0,5 = 564,23 +12,4

Bài 11: Một cái bể dạng hình hộp chữ nhật có chiều rồng 2,5m, chiều dài gấp hai lần chiều rộng, chiều cao 2,1m. Tính diện tính toàn phần cái bể đó?

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên HS : Lớp :  | **ĐỀ ÔN TẬP MÔN TOÁN LỚP 5****ĐỀ SỐ 4** |

**Bài 1**. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Biết 79,462 = 70 + 9 + 0,4 + … + 0,002. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là :

A. 6 B. 60 C. 0,06 D. 0,60

2. Số nào bé nhất trong bốn số 0,395 ; 0,48 ; 0,3 ; 0,359 ?

A. 0,395 B. 0,3 C. 0,48 D. 0,359

**Bài 2**. a) Một hình tam giác có diện tích là 7,2dm2, chiều cao là 3,6dm. Độ dài đáy của hình tam giác đó là …………………… dm.

b) Một hình tam giác có diện tích là 40cm2, độ dài đáy là 10cm. Chiều cao của hình tam giác đó là …………………… cm.

**Bài 3**. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a) 3,6 + 12 = 4,8 b) 3,6 + 12 = 15,6

c) 40 – 3,2 = 36,8 d) 40 – 3,2 = 0,8

**Bài 4**. Đặt tính rồi tính :

a) 5,734 + 77,09 b) 47,7 – 38,19 c) 19,5 × 3,04 d) 21,924 : 2,7

**Bài 5**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 4,25 tạ = ………… tạ ………… kg b) 10,05dm2 = ………… dm2 ………… mm2

**c**/ 12,3 m= …….dm d/ 32,5 km= …..m

**Bài 6**. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

Cho hình vẽ sau :

a) Hình bên có tất cả …………… hình tam giác.

b) Hình bên có tất cả …………… hình thang.

**Bài 7**. Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) 0,2 × 7,97 × 5 c) 2,4 × 0,25 × 40 67,5 x 1,9 +76,5 x 8 + 67,5 x 0,1

**Bài 8**. Một người gửi tiết kiệm 20 000 000 đồng với lãi suất 0,6% mỗi tháng. Hỏi sau một tháng người đó nhận được bao nhiêu tiền lãi ?

**Bài giải**

**Bài 9**. Một vườn cây có tất cả là 120 cây cam và bưởi. Số cây bưởi chiếm 40% số cây trong vườn. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây bưởi, bao nhiêu cây cam ?

**Bài giải**

Bài 10: Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn 70m ,đáy bé bằng 4/5 đáy lớn, chiều cao bằng 52m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ trung bình 2m2 thì thu được 2,5 kg thóc. Tính số thóc thu đượ?